

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213, Điều 396, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 36, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 506/2026/TLST - VHNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn B, xã T, K, tỉnh H.

Người yêu cầu: Anh Bùi Văn T1, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số nhà A, ngách A, thôn V, xã A, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Vợ chồng kết hôn với nhau ngày 01/01/2014 tại UBND xã A, huyện H, thành phố H trên cơ sở tự nguyện. Anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng không quan tâm đến nhau. Nay chị T và anh T1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T và anh T1 đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng anh chị nữa.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 thực sự trầm trọng, nguyện vọng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên công nhận thuận tình ly hôn cho chị T và anh T1 là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Chị T và anh T1 có con chung.

[3] Về tài sản chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về nợ chung: Chị T và anh T1 xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về lệ phí: Anh T1 tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình. Xét sự tự nguyện của anh T1 là phù hợp nên ghi nhận.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn T1 thuận tình ly hôn.

[1.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn T1 không có con chung

[1.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[1.4] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn T1 xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Bùi Văn T1 tự nguyện chịu cả số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí việc hôn nhân gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0002514 ngày 29/7/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 8 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự TP. Hà Nội;
- UBND xã A, TP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Đoan

